

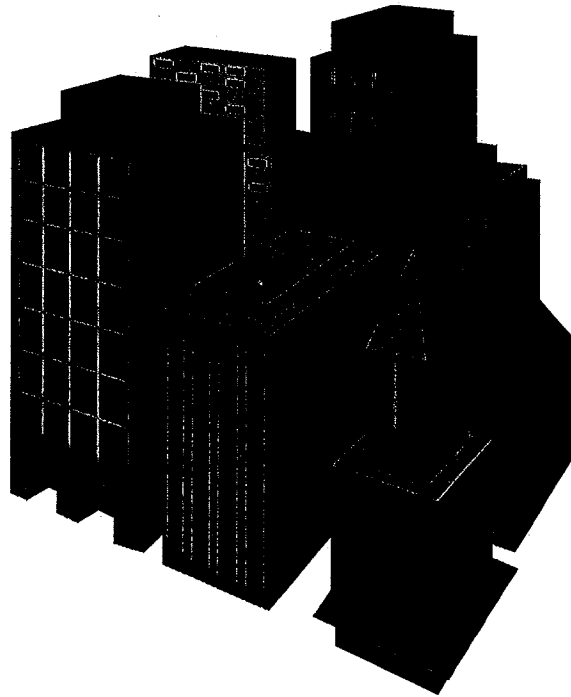


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH
📖 : 550 Kinh Dương Vương, P.An Lạc, Quận Bình Tân Tp.HCM
☎ : 38753021 Fax: 38753552

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÍ 2/2016

Kết thúc tại ngày: 30/06/2016



TP. Hồ Chí Minh
Tháng 07/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý: 2/2016

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.392.606.073.330	2.484.666.244.932
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	67.517.887.163	153.028.246.452
1. Tiền	111		36.336.554.023	7.597.351.152
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.181.333.140	145.430.895.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.b	-	43.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	43.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99.332.877.430	88.883.533.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	77.775.183.588	80.945.171.717
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.a	20.897.383.292	4.714.174.910
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.991.122.289	6.972.341.272
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(3.330.811.739)	(3.748.154.148)
IV. Hàng tồn kho	140		2.222.657.547.211	2.196.114.273.102
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.222.657.547.211	2.196.114.273.102
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.097.761.526	3.140.191.627
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.097.761.526	3.140.191.627
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		864.421.643.559	836.345.006.718
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		109.229.721.905	109.188.605.876
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	86.608.304.195	87.740.748.285
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.b	8.111.783.885	7.776.783.885
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	22.295.633.825	21.457.073.706
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.5	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
II. Tài sản cố định	220		22.416.315.365	24.062.454.971
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	22.334.280.614	23.956.696.058
- Nguyên giá	222		75.425.589.625	75.425.589.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.091.309.011)	(51.468.893.567)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	82.034.751	105.758.913
- Nguyên giá	228		1.702.748.781	1.702.748.781
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.620.714.030)	(1.596.989.868)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.13	83.120.924.160	84.913.864.301
- Nguyên giá	231		127.855.013.322	131.865.213.616
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(44.734.089.162)	(46.951.349.315)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	265.010.069.532	234.929.446.801
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		265.010.069.532	234.929.446.801
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.c	378.364.108.623	382.853.837.216
1. Đầu tư vào công ty con	251		297.000.000.000	297.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		95.657.440.060	95.657.440.060
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.135.455.455	3.135.455.455

Nội dung	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.428.786.892)	(12.939.058.299)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.14	6.280.503.974	396.797.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		6.008.407.403	396.797.553
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.25	272.096.571	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.257.027.716.889	3.321.011.251.650
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.334.215.176.983	1.416.066.812.033
I. Nợ ngắn hạn	310		361.547.959.509	416.696.266.368
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16.a	8.538.367.816	19.519.191.646
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17.a	157.987.536.321	124.227.686.529
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	3.315.121.866	36.015.485.942
4. Phải trả người lao động	314		-	6.379.605.887
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19.a	18.055.595.783	20.982.219.376
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.21.a	5.317.743.083	2.380.530.356
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20.a	17.213.586.884	101.479.650.038
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	150.418.918.289	101.226.731.058
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		701.089.467	4.485.165.536
II. Nợ dài hạn	330		972.667.217.474	999.370.545.665
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.16.b	50.657.500.835	50.657.500.835
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17.b	106.986.190.583	82.010.966.094
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19.b	105.896.219.491	106.699.017.156
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.21.b	213.194.448.066	208.197.967.911
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.20.b+c	185.325.044.753	194.415.188.058
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	309.183.381.026	356.133.554.567
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.25	-	77.715.711
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342		1.424.432.720	1.178.635.333
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.922.812.539.906	1.904.944.439.617
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.922.812.539.906	1.904.944.439.617
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	867.201.440.000	867.201.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		867.201.440.000	867.201.440.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		610.750.058.000	610.750.058.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		250.735.326.206	250.735.326.206
4. Quỹ khác thuộc vốn sở hữu	420		12.332.000.000	12.332.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		181.793.715.700	163.925.615.411
- Lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		141.410.291.480	-
- Kỳ này	421b		40.383.424.220	163.925.615.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.257.027.716.889	3.321.011.251.650

Người lập biểu

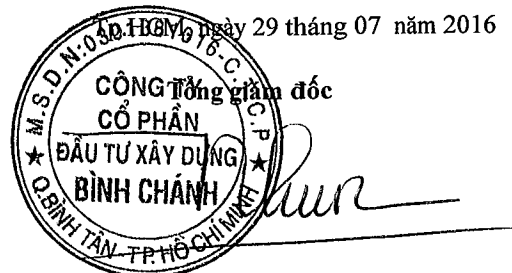


Mai Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thùy Trang



Nguyễn Thụy Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 2 NĂM 2016

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
				Quý 2/16	Quý 2/15	Năm 2016	Năm 2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		56.498.428.892	26.608.141.387	99.396.777.931	48.707.079.475
2.	Các khoản giảm trừ	02		36.817.700		84.960.563	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	56.461.611.192	26.608.141.387	99.311.817.368	48.707.079.475
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	27.515.992.863	11.263.545.984	48.137.814.511	20.357.260.050
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28.945.618.329	15.344.595.403	51.174.002.857	28.349.819.425
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	28.504.604.187	1.337.954.422	28.858.259.996	25.133.550.172
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	7.071.278.389	2.950.667.537	11.138.309.360	6.013.436.862
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.742.354.961	2.948.499.282	6.399.255.277	6.033.089.611
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.7.a	271.500.959	201.367.072	432.977.918	544.615.588
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.b	9.697.039.511	5.312.732.821	20.388.881.111	14.913.039.875
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.410.403.657	8.217.782.395	48.072.094.464	32.012.277.272
11.	Thu nhập khác	31	VI.5	508.470.194	559.159.511	2.007.518.001	703.893.750
12.	Chi phí khác	32	VI.6	488.282.591	408.000.000	5.327.479.534	408.000.000
13.	Lợi nhuận khác	40		20.187.603	151.159.511	(3.319.961.533)	295.893.750
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.430.591.260	8.368.941.906	44.752.132.931	32.308.171.022
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.563.073.525	-	4.718.520.993	-
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(27.447.473)	41.945.109	(349.812.282)	57.307.600
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.894.965.208	8.326.996.797	40.383.424.220	32.250.863.422
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Người lập



Mai Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thùy Trang



Nguyễn Thụy Nhân

ngày 29 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)

QUÝ 2 NĂM 2016

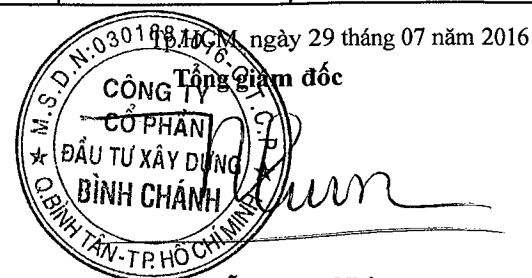
CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Quý 2/2016	Quý 2/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	44.752.132.931	32.308.171.022
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.975.483.438	3.495.458.694
- Các khoản dự phòng	03	4.072.386.184	25.152.031
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(28.857.072.477)	(25.133.550.172)
- Chi phí lãi vay	06	6.399.255.277	6.033.089.611
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	29.342.185.353	16.728.321.186
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(11.661.102.511)	32.732.009.616
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.438.058.140)	(6.023.750.329)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.082.504.478	98.828.094.849
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(5.611.609.850)	(128.136.828)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.433.553.478)	(20.974.558.320)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.068.525.590)	(192.349.724)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.299.400.000)	(2.981.895.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(46.087.559.738)	117.987.735.359
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(29.617.026.422)	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	43.500.000.000	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.325.011.181	24.925.205.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	44.207.984.759	(5.074.794.194)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42.012.086.412	122.874.241.953
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39.770.072.722)	(107.582.444.858)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(85.872.798.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(83.630.784.310)	15.291.797.095
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(85.510.359.289)	128.204.738.260
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	153.028.246.452	82.201.886.893
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	67.517.887.163	210.406.625.153

Người lập biểu

Mai Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng

Đặng Thị Thùy Trang



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

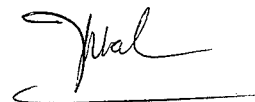
	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	722.670.000.000	610.750.058.000	231.349.402.028		12.332.000.000	66.390.115.032	1.643.491.575.060
Tăng vốn trong năm	144.531.440.000						144.531.440.000
Lợi nhuận trong năm trước		-	-	-		300.065.914.908	300.065.914.908
Trích lập các quỹ trong năm trước		-	19.385.924.178	-		(19.385.924.178)	-
Chia cổ tức năm trước		-				(158.984.584.000)	(158.984.584.000)
Chia lãi hợp tác đầu tư							-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi						(24.159.906.351)	(24.159.906.351)
Số dư cuối năm trước	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	-	12.332.000.000	163.925.615.411	1.904.944.439.617
Số dư tại ngày 01/01/16	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	-	12.332.000.000	163.925.615.411	1.904.944.439.617
Tăng vốn trong năm							-
Lợi nhuận trong kỳ		-	-	-		40.383.424.220	40.383.424.220
Chia cổ tức		-	-	-			-
Trích lập các quỹ trong kỳ		-					-
Chia lãi hợp tác đầu tư							-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành						(22.515.323.931)	(22.515.323.931)
Số dư cuối kỳ này	867.201.440.000	610.750.058.000	250.735.326.206	-	12.332.000.000	181.793.715.700	1.922.812.539.906

Người lập



Mai Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thùy Trang

TP.HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thùy Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, phường An Lạc, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, địa ốc
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng cơ bản; kinh doanh nhà ở, đất ở; kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lê Minh Xuân, tư vấn xây dựng, san lấp mặt bằng.
4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**: Do đặc thù của Công ty kinh doanh bất động sản nên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là không cố định
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
6. **Cấu trúc doanh nghiệp**
 - Danh sách công ty con:
 - + Công ty Cổ phần BCI
 - + Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:
 - + Công ty CP Đầu tư và BĐS Sài Gòn Châu Á
 - + Công ty TNHH Cao Ốc Xanh
 - + Công ty TNHH TM & DV Siêu thị Big C An Lạc
 - + Công ty TNHH EB Thành phố Mới
7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**: có thể so sánh.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2016 là năm tài chính thứ 17 của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng: theo thời gian còn lại của dự án kể từ khi khai thác.

Nhà xưởng: từ 10 – 20 năm.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4-5 năm.

Chứng nhận ISO

Là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Hoạt động liên doanh

Lợi ích của Công ty trong những hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo tài chính bằng cách phân bổ phần của Công ty trong tài sản, công nợ, thu nhập và chi phí vào những khoản mục tương ứng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 Bộ luật lao động.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính bằng 5% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế, đối với hoạt động chuyên quyền sử dụng đất công ty phải đóng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng đất, nhà ghi nhận khi công ty có biên bản bàn giao nền và nhà.

Doanh thu cho thuê đất tại khu công nghiệp Lê Minh Xuân:

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn I và bán xưởng: Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

Đối với hoạt động cho thuê đất tại khu giai đoạn II và khu tiểu thủ công nghiệp: Công ty ghi nhận là doanh thu nhận trước khi thu tiền trả trước và phát hành hoá đơn, sau đó phân bổ vào doanh thu trong kỳ theo thời gian còn lại của dự án kể từ năm cho thuê.

Doanh thu khác: Ghi nhận khi hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
 - Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	97.545.890	37.953.442
Tiền gửi ngân hàng	36.239.008.133	7.559.397.710
Các khoản tương đương tiền (*)	31.181.333.140	145.430.895.300
Cộng	67.517.887.163	153.028.246.452

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hạn có thời hạn gốc dưới ba tháng và hưởng tiền lãi với lãi suất trong từ 4,7%/năm đến 5,1%/năm.

(*) Các khoản tương đương tiền trị giá 1.935.000.000đ được dùng làm tài sản thế chấp cho Thư bảo lãnh từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh****b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn			43.500.000.000	43.500.000.000
Cộng			43.500.000.000	43.500.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần BCI	286.000.000.000	(11.827.853.826)	274.172.146.174	286.000.000.000	(11.859.166.844)	274.140.833.156
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	11.000.000.000		11.000.000.000	11.000.000.000		11.000.000.000
Cộng	297.000.000.000	(11.827.853.826)	285.172.146.174	297.000.000.000	(11.859.166.844)	285.140.833.156

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần đầu tư BĐS Sài Gòn Châu Á	4.000.000.000		4.000.000.000	4.000.000.000		4.000.000.000
Công ty TNHH Cao ốc Xanh	20.060.312.372		20.060.312.372	20.060.312.372		20.060.312.372
Công ty TNHH TM& DV Siêu thị Big C An Lạc	57.197.127.688		57.197.127.688	57.197.127.688		57.197.127.688
Công ty TNHH EB Thành Phố Mới	14.400.000.000	(4.279.967.221)	10.120.032.779	14.400.000.000		14.400.000.000
Cộng	95.657.440.060	(4.279.967.221)	91.377.472.839	95.657.440.060	-	95.657.440.060

Đầu tư vào đơn vị khác	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty CP Phát Triển nhà Thủ Đức	1.312.145.455	(1.081.832.855)	230.312.600	1.312.145.455	(1.079.891.455)	232.254.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	123.310.000		123.310.000	123.310.000		123.310.000
Đầu tư dài hạn khác	1.700.000.000	(239.132.990)	1.460.867.010	1.700.000.000		1.700.000.000
Cộng	3.135.455.455	(1.320.965.845)	1.814.489.610	3.135.455.455	(1.079.891.455)	2.055.564.000

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngắn hạn	77.775.183.588	80.945.171.717
Phải thu từ khách hàng	77.775.183.588	80.898.146.717
Phải thu từ các bên liên quan (*)		47.025.000
Dài hạn	86.608.304.195	87.740.748.285
Phải thu từ khách hàng	86.608.304.195	87.740.748.285
TỔNG CỘNG	164.383.487.783	168.685.920.002
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(3.330.811.739)	(3.748.154.148)
GIÁ TRỊ THUẦN	161.052.676.044	164.937.765.854

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Bên liên quan

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH ĐTPT BCCI (ngắn hạn)		47.025.000
Cộng		47.025.000

4. Trả trước người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho người bán (BCCI)	18.184.063.692	2.166.287.710
Trả trước cho người bán (LMX)	2.713.319.600	2.547.887.200
Cộng	20.897.383.292	4.714.174.910

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho người bán (BCCI)	8.111.783.885	7.776.783.885
Cộng	8.111.783.885	7.776.783.885

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngắn hạn	3.991.122.289	6.972.341.272
Tạm ứng cho người lao động	3.691.768.607	4.157.183.439
Lãi tiền gửi phải thu	63.949.866	1.531.888.570
Khác	235.403.816	1.283.269.263
Dài hạn	22.295.633.825	21.457.073.706
Tạm ứng để thực hiện các dự án	11.634.813.505	11.634.813.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (*)	9.435.874.324	9.326.254.362
Khác	1.224.945.996	496.005.839
TỔNG CỘNG	26.286.756.114	28.429.414.978
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(7.786.000.000)	(7.786.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	18.500.756.114	20.643.414.978

(*) Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN"). Công ty kê khai tạm nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 1% trên doanh thu thu được tiền trong trường hợp chưa xác định được doanh thu và chi phí tương ứng.

6. Tài sản thiếu chờ xử lý**7. Nợ xấu**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng	2.210.463.835.207		2.183.915.261.166	
Chi phí xây dựng công trình dở dang	251.635.268		251.635.268	
Hàng hóa bất động sản	11.660.744.979		11.660.744.979	
Nguyên nhiên liệu	281.331.757		286.631.689	
Cộng	2.222.657.547.211		2.196.114.273.102	

9. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
KCN LMX mở rộng	222.489.438.931	222.489.438.931	219.018.891.658	219.018.891.658
Khu tiểu thủ công nghiệp	33.968.888.368	33.968.888.368	7.249.313.254	7.249.313.254
Xây dựng cơ bản Công trình khác	8.551.742.233	8.551.742.233	8.661.241.889	8.661.241.889
Cộng	265.010.069.532	265.010.069.532	234.929.446.801	234.929.446.801

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng tài sản hữu hình
Chỉ tiêu					
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ	38.354.486.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.425.589.625
2. Số tăng trong kỳ					
3. Số giảm trong kỳ - Thanh lý, nhượng bán, khác					
4. Số cuối kỳ	38.354.486.674	10.520.713.433	2.121.067.279	24.429.322.239	75.425.589.625
II. Giá trị hao mòn					
1. Số dư đầu kỳ	30.197.178.263	9.584.295.189	2.121.067.279	9.566.352.836	51.468.893.567
2. Số tăng trong kỳ	983.768.688	183.006.888		455.639.868	1.622.415.444
3. Số giảm trong kỳ					
4. Số cuối kỳ	31.180.946.951	9.767.302.077	2.121.067.279	10.021.992.704	53.091.309.011
III. Giá trị còn lại					
1. Số đầu kỳ	8.157.308.411	936.418.244	-	14.862.969.403	23.956.696.058
2. Số cuối kỳ	7.173.539.723	753.411.356	-	14.407.329.535	22.334.280.614

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Bản quyền ISO	Phần mềm vi tính	Cộng tài sản vô hình
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.371.004.630	1.702.748.781
2. Số tăng trong kỳ			
<i>Trong đó:- Mua sắm mới</i>			
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số cuối kỳ	331.744.151	1.371.004.630	1.702.748.781
II. Giá trị hao mòn			
1. Số dư đầu kỳ	331.744.151	1.265.245.717	1.596.989.868
2. Số tăng trong kỳ		23.724.162	23.724.162
3. Số giảm trong kỳ			
4. Số cuối kỳ	331.744.151	1.288.969.879	1.620.714.030
III. Giá trị còn lại			
1. Số đầu kỳ	-	105.758.913	105.758.913
2. Số cuối kỳ	-	82.034.751	82.034.751

12. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính**13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Nhóm BĐS	Nhà xưởng	Cơ sở hạ tầng	Tổng cộng
Chỉ tiêu			
I. Nguyên giá			
Số đầu năm	0	131.865.213.616	131.865.213.616
Số tăng trong kỳ (lũy kế)	0		
Số giảm trong kỳ	0	4.010.200.294	4.010.200.294
Số cuối kỳ	0	127.855.013.322	127.855.013.322
II. Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		46.951.349.315	46.951.349.315
Số tăng trong kỳ (lũy kế)		1.792.940.141	1.792.940.141
Số giảm trong kỳ		4.010.200.294	4.010.200.294
Số cuối kỳ	0	44.734.089.162	44.734.089.162
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	0	84.913.864.301	84.913.864.301
Số cuối kỳ	0	83.120.924.160	83.120.924.160

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Tài sản khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3.097.761.526	3.140.191.627
Cộng	3.097.761.526	3.140.191.627

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	6.008.407.403	396.797.553
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272.096.571	-
Cộng	6.280.503.974	396.797.553

15. Vay và nợ thuê tài chính**a. Vay ngắn hạn**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VP Bank - CN TP.HCM, 9/2015/HĐHM/C MB-HCM ngày 01/04/2015	18.164.799.953	18.164.799.953	18.164.799.953	10.855.528.722	10.855.528.722	10.855.528.722
Cộng	18.164.799.953	18.164.799.953	18.164.799.953	10.855.528.722	10.855.528.722	10.855.528.722

❖ Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng):

Vay ngắn hạn (Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng)	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTC Nhà nước TPHCM, HĐ 17, 27/5/2010	1.720.000.000	1.720.000.000	-	-	1.720.000.000	1.720.000.000
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187 - 21/01/2015)	2.666.666.668	2.666.666.668	-	-	2.666.666.668	2.666.666.668
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188 - 21/01/2015)	3.066.666.668	3.066.666.668	-	-	3.066.666.668	3.066.666.668
Vay Sacombank - PGD Bình Tân (LD1424800048-05/09/2014)	22.677.546.000	22.677.546.000	11.482.267.000	-	11.195.279.000	11.195.279.000
Vay NH Phương Đông HĐ 06-1/7/2015 (An Lạc Plaza+11A+ KDC Tân Tạo)	102.123.239.000	102.123.239.000	55.588.529.000	25.187.880.000	71.722.590.000	71.722.590.000
Cộng	132.254.118.336	132.254.118.336	67.070.796.000	25.187.880.000	90.371.202.336	90.371.202.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty ĐTTC Nhà nước TP. Hồ Chí Minh HĐ17-27/5/2010	31.915.000	31.915.000	0	860.000.000	891.915.000	891.915.000
Vay NH Phương Đông HĐ 06-1/7/2015 (An Lạc Plaza+11A+KDC Tân Tạo)	179.357.577.085	179.357.577.085	23.226.247.550	55.588.529.000	211.719.858.535	211.719.858.535
Vay Sacombank - PGD Bình Tân (LD1424800048-05/09/2014)	56.693.882.277	56.693.882.277	621.038.909	11.482.267.000	67.555.110.368	67.555.110.368
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100187-21/01/2015)	34.000.003.332	34.000.003.332	0	1.333.332.000	35.333.335.332	35.333.335.332
Sacombank - PGD Bình Tân (LD1502100188-21/01/2015)	39.100.003.332	39.100.003.332	0	1.533.332.000	40.633.335.332	40.633.335.332
Cộng	309.183.381.026	309.183.381.026	23.847.286.459	70.797.460.000	356.133.554.567	356.133.554.567

c. Các khoản nợ thuê tài chính**d. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán****e. Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan**

Bên cho vay	Dư nợ vay (VNĐ)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 9/2015/HĐHM/CMB-HCM ngày 01/04/2015	18.164.799.953	< 8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Lãi suất bán vốn theo quy định của VPBank + biên độ 1,3%/năm	Tín chấp
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng số 17A/2010/HĐTD-ĐTTC-TD ngày 27/5/2010	1.751.915.000	84 tháng	Đầu tư dự án xử lý nước thải tập trung KCN Lê Minh Xuân (giai đoạn 3)	8,125%/năm	Bảo lãnh ngân hàng
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4					
Hợp đồng số 06/2015/HĐTD-DN ngày 01/07/2015	281.480.816.085	48 tháng	Đầu tư dự án An Lạc Plaza, khu dân cư 11A (Corona City), khu dân cư Ấp 2 Tân Tạo	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 2,9%/năm	- Quyền sử dụng đất tại số 158 đường An Dương Vương, P. An Lạc, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của dự án Cao ốc An Lạc Plaza

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín- PGD Bình Tân					
Hợp đồng số LD1424800048 ngày 05/09/2014	79.371.428.277	60 tháng	Đầu tư dự án Khu định cư Phong Phú 4	Lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + biên độ 3,2%/ năm	Một phần diện tích đất của dự án khu định cư Phong Phú
Hợp đồng số LD1502100187 ngày 21/01/2015	36.666.670.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	Quyền tài sản phát sinh từ toàn bộ vốn góp của BCCI tại Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị Big C An Lạc và quyền tài sản phát sinh từ 172.031,8m ² đất tại khu dân cư 1 -Khu 11A
Hợp đồng số LD1502100188 ngày 21/01/2015	42.166.670.000	180 tháng	Trả tiền thuê đất dùng góp vốn vào Công ty TNHH TM và DV Siêu Thị An Lạc	6%/năm trên dư nợ ban đầu	
Tổng cộng	439.685.584.362				

16. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH TM XD Việt Long	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571	1.705.726.571
XN Xây dựng công trình cảng			447.763.019	447.763.019
Phải trả người bán tại KCN Lê Minh Xuân	1.041.490.450	1.041.490.450	1.176.608.116	1.176.608.116
Phải trả các đối tượng khác	5.265.582.072	5.265.582.072	8.521.569.041	8.521.569.041
Phải trả các Bên liên quan (*)	525.568.723	525.568.723	7.667.524.899	7.667.524.899
Cộng	8.538.367.816	8.538.367.816	19.519.191.646	19.519.191.646

b. Dài hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Tổng công ty XD số 1 - CC1	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735	50.316.068.735
Phải trả các đối tượng khác	341.432.100	341.432.100	341.432.100	341.432.100
Phải trả các Bên liên quan (*)	-	-	-	-
Cộng	50.657.500.835	50.657.500.835	50.657.500.835	50.657.500.835

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH ĐTPT BCCI (HO)	525.568.723	525.568.723	116.352.196	116.352.196
Công ty TNHH ĐTPT BCCI (LMX)			7.551.172.703	7.551.172.703
Cộng	525.568.723	525.568.723	7.667.524.899	7.667.524.899

17. Người mua trả tiền trước**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng trả tiền trước	157.987.536.321	124.002.506.145
Bên liên quan trả tiền trước		225.180.384
Cộng	157.987.536.321	124.227.686.529

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khách hàng trả tiền trước	106.986.190.583	82.010.966.094
Cộng	106.986.190.583	82.010.966.094

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Lũy kế số phải nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.579.695.810	10.246.551.366	12.033.136.297	793.110.879
- Thuế GTGT VP Cty	(1.326.429.329)	5.337.357.263	3.845.646.870	165.281.064
- Thuế GTGT khu LMX	3.906.125.139	4.909.194.103	8.187.489.427	627.829.815
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.405.968.802	5.305.871.736	27.068.525.590	643.314.948
Bất động sản (20%)+ HĐ khác	26.763.899.028	4.718.520.993	26.727.486.748	4.754.933.273
Điều chỉnh thuế tiền độ sang thuế quyết toán	(2.130.490.326)	(231.418.880)		(2.361.909.206)
Tiền độ 1%	(2.227.439.900)	818.769.623	341.038.842	(1.749.709.119)
Thuế thu nhập cá nhân	8.737.348.003	6.754.073.456	15.429.881.684	61.539.775
Thuế tài nguyên	65.033.427	371.870.180	369.456.462	67.447.145
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	33.788.046.042	22.682.366.738	54.905.000.033	1.565.412.747

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay	3.692.821.502	3.621.903.734
Chi phí phải trả khác	7.443.514.323	7.558.059.778
Chi phí phải trả tại KCN LMX	6.919.259.958	9.802.255.864
Cộng	18.055.595.783	20.982.219.376

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí phải trả các dự án đầu tư	105.896.219.491	106.699.017.156
Cộng	105.896.219.491	106.699.017.156

20. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả khác	7.575.890.911	7.698.394.559
Cổ tức phải trả cho các Cổ đông	1.137.177.900	87.857.616.900
Phải trả khác - KCN Lê Minh Xuân	8.500.518.073	5.923.638.579
Cộng	17.213.586.884	101.479.650.038

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí còn phải trả các dự án đầu tư	112.210.125.650	116.800.268.955
Cộng	112.210.125.650	116.800.268.955

c. Bên liên quan

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BCI	73.114.919.103	77.614.919.103
Cộng	73.114.919.103	77.614.919.103

21. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khoản thu trước tiên cho thuê đất - KCN Lê Minh Xuân	5.317.743.083	2.380.530.356
Cộng	5.317.743.083	2.380.530.356

b. Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Khoản thu trước tiên cho thuê đất - KCN Lê Minh Xuân	213.194.448.066	208.197.967.911
Cộng	213.194.448.066	208.197.967.911

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Trái phiếu phát hành
 23. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả
 24. Dự phòng phải trả
 25. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	284.886.544	259.299.773
Lãi tiền gửi dự thu	(12.789.973)	(337.015.485)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272.096.571	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	77.715.712

26. **Vốn chủ sở hữu**
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu
 Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 1.
Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	867.201.440.000	867.201.440.000
Cộng	867.201.440.000	867.201.440.000

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	86.720.144	86.720.144
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	86.720.144	86.720.144
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	86.720.144	86.720.144
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Công ty.

27. **Chênh lệch đánh giá lại tài sản**
 28. **Chênh lệch tỷ giá**
 29. **Nguồn kinh phí**
 30. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối**
 Nợ khó đòi đã xử lý: 2.469.845.243 đồng
 31. **Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	20.974.751.769	5.284.619.541	32.070.902.625	9.284.923.466
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	6.294.301.620	6.026.584.698	11.731.632.010	10.963.825.395
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	18.981.416.728	2.838.176.139	37.164.099.031	5.619.638.011
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	10.247.958.775	12.458.761.009	18.430.144.265	22.838.692.603
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(36.817.700)	-	(84.960.563)	
Cộng	56.461.611.192	26.608.141.387	99.311.817.368	48.707.079.475

2. Giá vốn hàng bán

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Bán nền các khu dân cư, căn hộ chung cư	12.972.236.312	1.953.865.170	19.872.358.382	3.339.491.243
Cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	1.758.723.471	1.126.131.999	2.997.825.071	2.787.291.915
Hoạt động CQSDĐ tại KCN Lê Minh Xuân	6.794.174.501	742.805.827	13.180.920.814	1.422.893.954
Hoạt động khác và cung cấp dịch vụ tại KCN LMX	5.990.858.579	7.440.742.988	12.086.710.244	12.807.582.938
Cộng	27.515.992.863	11.263.545.984	48.137.814.511	20.357.260.050

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi trái phiếu	250.615.053	1.337.954.422	603.111.477	2.333.550.172
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.253.961.000	22.800.000.000	28.253.961.000	22.800.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính - KCN LMX	28.134		1.187.519	
Cộng	28.504.604.187	1.337.954.422	28.858.259.996	25.133.550.172

4. Chi phí tài chính

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	2.742.354.961	2.948.499.282	6.399.255.277	6.033.089.611
Chi phí tài chính khác	92.979.850		249.325.490	16.712.881
Hoàn nhập/ dự phòng đầu tư chứng khoán	(14.888.600)	19.890.000	1.941.400	39.780.000
Dự phòng ĐTDH - Công ty BCI	(29.135.043)	(17.721.745)	(31.313.018)	(76.145.630)
Dự phòng ĐT - Cty CP EB Thành	4.279.967.221		4.279.967.221	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phổ Mới				
Dự phòng ĐT - Cty CP Cấp nước Dầu Tiếng	239.132.990	-	239.132.990	-
Cộng	7.071.278.389	2.950.667.537	11.138.309.360	6.013.436.862

5. Thu nhập khác

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	388.620.861	405.445.995	675.903.855	532.811.704
Thu khác + KCN LMX	119.849.333	153.713.516	1.331.614.146	171.082.046
Cộng	508.470.194	559.159.511	2.007.518.001	703.893.750

6. Chi phí khác

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Chi phí khác + KCN LMX	488.282.591	408.000.000	5.327.479.534	408.000.000
Cộng	488.282.591	408.000.000	5.327.479.534	408.000.000

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**a. Chi phí bán hàng**

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.500.959	201.367.072	432.977.918	544.615.588
Chi phí bán hàng - KCN LMX	-	-	-	-
Cộng	271.500.959	201.367.072	432.977.918	544.615.588

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	QUÝ 2/16	QUÝ 2/15	Lũy kế đến quý 2/16	Lũy kế đến quý 2/15
Chi phí lương nhân viên quản lý	5.897.871.126	436.907.573	11.221.692.049	7.486.763.152
Chi phí vật dụng văn phòng	11.756.518	55.016.868	38.248.942	64.152.575
Khấu hao tài sản cố định	179.174.865	353.577.141	358.349.730	730.762.574
Thuế, phí và lệ phí	500.697.888	1.150.298.924	750.379.341	1.568.198.249
Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.257.447	572.897.255	1.475.002.675	895.696.136
Chi phí bằng tiền khác	2.036.627.982	2.147.130.123	5.717.384.412	3.189.292.027
Chi phí QLDN KCN LMX	567.653.685	596.904.937	827.823.962	978.175.162
Cộng	9.697.039.511	5.312.732.821	20.388.881.111	14.913.039.875

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho công ty là 20%.

	Lũy kế đến quý 2/2016	Lũy kế đến quý 2/2015
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.718.520.993	-
Cộng	4.718.520.993	-

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Lũy kế đến Q2/2016	Lũy kế đến Q2/2015
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ Lãi dự thu	(324.225.512)	56.908.034
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ Chi phí trợ cấp thất nghiệp phải trả	(25.586.770)	399.566
Cộng	(349.812.282)	57.307.600

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

3. Số tiền đi vay thực thu lũy kế đến quý 2/2016

Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 42.012.086.412 đồng

4. Số tiền thực trả gốc vay lũy kế đến quý 2/2016

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 39.770.072.722 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch Q2/16 (đồng)
Công ty cổ phần BCI	Công ty con	Thu hộ	4.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	Công ty con	Thanh toán chi phí cung cấp dịch vụ	782.338.775
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển BCCI	Công ty con	Phải trả chi phí cung cấp dịch vụ	254.580.000
Công ty TNHH TM và DV Siêu thị Big C An Lạc	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	28.224.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÌNH CHÁNH

Địa chỉ: 550 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2/2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IX. GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ QUÝ II NĂM 2016

Lợi nhuận sau thuế quý 2/2016 tăng 355% (30 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2015. Mức tăng này chủ yếu do quý 2/2016 Công ty nhận 28 tỷ đồng tiền cổ tức từ hoạt động liên doanh với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Siêu thị Big C An Lạc.


TP. HCM, ngày 29 tháng 07 năm 2016

Người lập

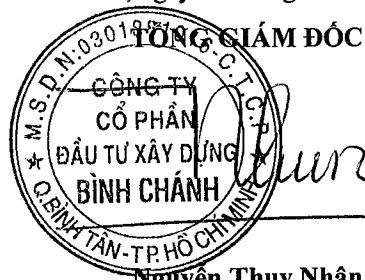


Mai Thị Mỹ Dung

Kế toán trưởng



Đặng Thị Thùy Trang



Nguyễn Thụy Nhân